TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 18/**2018/DS-ST
Ngày: 17/7/2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn.

2. Bà Phạm Thị Lan.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham dự phiên tòa: ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 147/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1953.

Địa chỉ cư trú: Số 289, Tổ 10, ấp C M, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đặng Kiên Ph, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn L, sinh năm 1951. (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 289, Tổ 10, ấp C M, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1953. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018). (Có mặt).

+ Anh Lê Tấn Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Số 289, Tổ 10, ấp C M, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Anh Đặng Tấn B, sinh năm 1998. (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án Dân sự ngày 06/10/2017, Biên bản về việc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim X trình bày:

Bà X với bà Ph là hàng xóm với nhau. Vào ngày 22.7.2016 âm lịch bà Ph có vay của bà X số tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà Ph có làm biên nhận có nội dung thế chấp thế chấp căn nhà của bà Ph tọa lạc tại số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang cho bà X và sau đó bà Ph thuê lại căn nhà này hàng tháng với giá 9.000.000đ/tháng. Biên nhận đề ngày 22/7/2016 và Giấy mướng nhà ghi ngày 22/7/2016 do bà Ph tự viết và tự ký tên, ghi họ tên. Sau khi viết biên nhận xong, bà X giao cho bà Ph đủ số tiền 150.000.000 đồng.

Đến tháng 9/2016 âm lịch bà Ph trả cho bà X số tiền gốc 10.000.000 đồng và số tiền 18.000.000 đồng ghi là trả tiền thuê nhà 02 tháng thì ngưng trả cho đến nay. Nhiều lần bà X yêu cầu nhưng bà Ph chỉ hứa hẹn mà không thực hiện, do đó bà X khởi kiện đến Tòa án huyện U Minh Thượng.

Bà X xác nhận trong Biên nhận đề ngày 22/7/2016 có thể hiện nội dung là bà Ph thế chấp cho bà X 01 căn nhà với số tiền 150.000.000 đồng, thực tế nội dung này bà Ph ghi chỉ để làm tin khi vay số tiền 150.000.000 đồng. Hai bên chỉ làm biên nhận mà không có làm hợp đồng thế chấp tài sản, không có giao nhà, đất và giấy tờ có liên quan hay bất cứ giấy tờ gì khác. Đối với Giấy mướn nhà đề ngày 22/7/2016 có thể hiện nội dung bà Ph có thế chấp cho bà X 01 căn nhà số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang là căn nhà theo Biên nhận đề ngày 22/7/2016; bà Ph mướn lại căn nhà này với giá mỗi tháng là 9.000.000 đồng và bà Ph đã đóng cho bà X 02 tháng tiền nhà là 18.000.000 đồng. Thực tế giữa bà X với bà Ph không có giao dịch về cho thuê, mướn nhà với nhau, số tiền 18.000.000 đồng được xem như là số tiền lãi mà bà Ph trả cho bà X .

Như vậy, thực tế bà Ph đã trả cho bà X tổng cộng số tiền là 28.000.000 đồng. Nay bà X xác nhận toàn bộ số tiền 28.000.000 đồng là số tiền gốc mà bà Ph đã trả cho bà X và đồng ý khấu trừ vào số tiền vay vốn gốc mà bà Ph đã vay. Bà Ph còn nợ bà X số tiền gốc là 122.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà X yêu cầu: Bà X yêu cầu bà Ph trả số tiền vay vốn gốc là 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng). Bà X không yêu cầu tính lãi và cũng không có yêu cầu gì khác.

Đối với Biên nhận và Giấy mướn nhà cùng đề ngày 22/7/2016 về việc thỏa thuận thế chấp và cho mướn căn nhà số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Do thực tế thỏa thuận, giao dịch trên không có thật, hai bên không có làm hợp đồng thế chấp tài sản, không có bàn giao nhà và giấy tờ có liên, không có việc cho thuê nhà với nhau. Vì vậy, bà X yêu cầu Tòa án không xem xét đến

thỏa thuận thế chấp và cho mướn nhà nêu trên và đồng ý cùng bà Ph hủy bỏ các thỏa thuận này. Giao dịch giữa hai bên chỉ là vay tài sản, vì vậy, yêu cầu Tòa án chỉ xem xét đến số tiền vay 150.000.000 đồng mà bà Ph đã vay của bà X .

Tại phiên tòa, bà Ph đưa ra phương án để thỏa thuận là bà Ph trả cho bà X số tiền 70.000.000 đồng là hai bên dứt nợ thì bà X không đồng ý.

**** Bị đơn bà Đặng Kiên Ph trình bày:*** Bà Ph trình bày nguồn gốc số nợ trong Biên nhận đề ngày 22/7/2016 như sau: Vào ngày 29/4/2015 bà Ph có vay của bà X số tiền gốc 22.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2015 bà Ph tiếp tục vay số tiền gốc 8.000.000 đồng. Tổng cộng, bà Ph vay của bà X số tiền là 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 30%/tháng, lãi trả góp, 10 ngày trả 01 lần (30.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả 300.000 đồng). Khi nhận tiền vay xong bà Ph phải trả trước 10 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng; 10 ngày sau tiếp tục trả 3.000.000 đồng. Việc vay tiền thì bà Ph có ký tên vào sổ nợ của bà X , do bà X giữ; hai bên không có làm biên nhận ghi rõ nội dung cụ thể. Do số tiền vay kéo dài, lãi chồng lãi nên bà Ph không còn khả năng trả nợ cho bà X . Vì vậy, đến ngày 22/7/2016 âm lịch sau khi chốt lại toàn bộ số nợ thì bà Ph còn nợ bà X số tiền 150.000.000 đồng, bà X mới yêu cầu bà Ph viết Biên nhận thế chấp căn nhà đang ở tọa lạc số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang và sau đó viết Giấy mướn lại nhà mỗi tháng 9.000.000 đồng theo Biên nhận và Giấy mướng nhà ngày 22/7/2016 âm lịch. Bà Ph thừa nhận Biên nhận và Giấy mướng nhà đề ngày 22/7/2016 toàn bộ nội dung là do bà Ph tự viết, tự ký tên và ghi họ tên.

Bà Ph xác nhận rằng nội dung mà bà Ph cho rằng bà vay của bà X số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi suất là 30%/tháng do tiền lãi cao dẫn đến bà Ph không còn khả năng thanh toán, đến ngày 22/7/2016 chốt lại nợ gốc là lãi là 150.000.000 đồng, sau đó bà Ph viết Biên nhận và Giấy mướn nhà cho bà X như đã trình bày trên thì bà Ph chỉ trình bày miệng mà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Bà Ph xác nhận nội dung bà Ph trình bày tại phiên tòa hôm nay là đúng diễn biến sự việc. Còn các nội dung trước đó mà bà Ph cho rằng số tiền vay trên là do bà Ph hỏi vay dùm cho chị ruột bà Đặng Hồng C và nội dung bà Ph cho rằng sau khi bà viết biên nhận thế chấp căn nhà cho bà X xong thì bà X nói để về nhà lấy tiền giao cho bà Ph , nhưng không giao cho đến nay là do bà Ph tự đặt ra, không đúng thực tế. Bà Ph xác nhận giao dịch vay tiền nêu trên được thực hiện giữa cá nhân bà Ph với bà X , không liên quan đến bà C hay cá nhân nào khác.

Tại phiên tòa bà Ph yêu cầu: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Ph phải trả số tiền gốc 122.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà Ph thừa nhận chỉ nợ bà X số tiền gốc là 30.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà X . Bà Ph đã trả tổng cộng số tiền lãi là 28.000.000 đồng, bà yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Ph xin đưa ra phương án thỏa thuận giải quyết vụ kiện với bà X là: Nếu bà X đồng ý xác định số tiền nợ bà Ph còn nợ là 70.000.000 đồng thì bà Ph đồng ý thanh toán cho bà X số tiền 70.000.000 đồng là hai bên dứt nợ.

Đối với USB có lưu lại giọng nói của bà Ph mà phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Bà Ph xác nhận nội dung cuộc nói chuyện trong đoạn ghi âm được lưu

lại trong USB đúng là buổi làm việc giữa bà Ph với anh Lê Tấn Đ (con của bà X) tại Công an xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang liên quan đến số tiền vay 150.000.000 đồng theo Biên nhận và Giấy mướn nhà ngày 22/7/2016. Bà Ph xác định rằng đoạn ghi âm được lưu lại trong USB nêu trên là có thật, đúng diễn biến thực tế. Giọng nói trong đoạn ghi âm trên đúng là của bà Ph , nội dung đúng là do bà Ph trình bày. Vì vậy, bà không có yêu cầu giám định giọng nói, giám định nội dung đoạn ghi âm và cũng không có yêu cầu gì khác liên quan đến đoạn ghi âm nêu trên. Yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với Biên nhận và Giấy mướng nhà cùng đề ngày 22/7/2016 về việc thỏa thuận thế chấp và cho mướn căn nhà số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, thực tế nội dung này bà Ph ghi chỉ để làm tin cho bà X ; hai bên chỉ làm biên nhận mà không có lập hợp đồng thế chấp tài sản, không có giao nhà, đất, giấy tờ có liên quan hay bất cứ giấy tờ gì khác và cũng không có giao dịch về cho thuê, mướn nhà với nhau. Vì vậy, bà Ph yêu cầu Tòa án không xem xét đến thỏa thuận thế chấp và cho mướn nhà nêu trên và đồng ý, thống nhất với bà X hủy bỏ các thỏa thuận này. Giao dịch giữa hai bên chỉ là vay tài sản, vì vậy, yêu cầu Tòa án chỉ xem xét đến số tiền vay mà hai bên đã giao dịch theo biên nhận ngày 22/7/2016.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Tấn Đ**: Anh Đ là con ruột của bà X . Do bà Ph nợ tiền bà X không trả. Anh Đ nhiều lần đến nhà bà Ph để đòi tiền nhưng bà Ph không trả. Sau đó bà Ph có thưa anh Đ đến Công an xã M Th, huyện U M T về việc anh Đ đến quậy, phá nhà của bà Ph . Sau đó Công an xã Minh Thuận có mời anh Đ và bà Ph lên trụ sở làm việc. Nội dung trong đoạn ghi âm mà anh Đ cung cấp cho Tòa án là nội dung buổi làm việc tại Công an xã Minh Thuận ngày 30/12/2016.

Về nội dung vụ việc thì anh Đ thống nhất với toàn bộ nội dung bà X đã trình bày. Anh Đ yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X .

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán có vi phạm, cụ thể: Vụ án thụ lý ngày 20/11/2017 đến ngày 11/6/2018 Thẩm phán mới ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, sai sót trên không làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị Thẩm phán khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X . Buộc bà Ph phải trả cho bà X số tiền 122.000.000 đồng.

Hủy bỏ các thỏa thuận thế chấp và cho mướn căn nhà số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang theo Biên nhận và Giấy mướng nhà cùng đề ngày 22/7/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Kim X với bị đơn bà Đặng Kiên Ph là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Quá trình tố tụng, tại Thông báo thụ lý số 147/2017/TBTL-DS ngày 20/11/2017 Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Tranh chấp hợp đồng thế chấp nhà"*. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều xác định thực tế thỏa thuận thế chấp và cho mướn căn nhà số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang được thể hiện trong Biên nhận và Giấy mướng nhà đề ngày 22/7/2016 thì bà Ph ghi chỉ để làm tin cho số tiền nợ 150.000.000 đồng; hai bên chỉ làm biên nhận mà không có lập hợp đồng thế chấp tài sản, không có giao nhà, đất, giấy tờ có liên quan hay bất cứ giấy tờ gì khác và không có giao dịch về cho thuê, mướn nhà với nhau. Giao dịch giữa hai bên chỉ là vay tài sản. Vì vậy, Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho đúng với bản chất vụ kiện là: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà X yêu cầu bị đơn bà Ph phải trả số tiền vay vốn gốc là 122.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Ph không đồng ý và thừa nhận chỉ nợ bà X số tiền gốc là 30.000.000 đồng, bà Ph đã trả tổng cộng số tiền lãi là 28.000.000 đồng, bà yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà X và bị đơn bà Ph đều có địa chỉ cư trú xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X . Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà X yêu cầu bà Ph phải trả số tiền vay 122.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ph đã thừa nhận là bà có vay tiền của bà X ; nội dung thừa nhận của bà Ph là phù hợp với biên nhận chứng từ mà hai bên đã xác lập. Bà Ph cho rằng chỉ vay của bà X số tiền gốc là 30.000.000 đồng, do tiền lãi cao dẫn đến bà không còn khả năng thanh toán, đến ngày 22/7/2016 hai bên chốt lại nợ tổng cộng tiền gốc, lãi là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà X không thừa nhận và xác định bà Ph vay số tiền gốc 150.000.000 đồng. Căn cứ vào biên nhận đề ngày 22/7/2016 mà bà Ph xác nhận do chính bà trực tiếp soạn thảo, tự ký và ghi họ tên, thể hiện giữa bà Ph với bà X đã xác lập giao dịch vay tiền với nhau, cụ thể bà Ph tự nguyện thế chấp 01 căn nhà để vay số tiền là 150.000.000 đồng; biên nhận này hoàn toàn không có chứa đựng, thể hiện bất kỳ nội dung nào là biên nhận tổng hợp nợ hoặc xuất phát từ số tiền vay 30.000.000 đồng như bà Ph đã trình bày. Đồng thời, nội dung mà bà Ph trình bày có nhiều mâu thuẫn, không rõ ràng và không thống nhất với nhau, cụ thể: tại Bản tự khai (BL20) và Biên bản hòa giải ngày 09/01/2018 (BL33), Tờ tường trình ngày 01/4/2018 (BL42); Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2018 (BL 48), bà Ph cho rằng số tiền

150.000.000 đồng là do bà Ph hỏi vay dùm cho chị ruột bà Đặng Hồng C và sau khi viết biên nhận xong thì bà X chưa đưa tiền cho bà Ph . Tuy nhiên, nay bà lại khẳng định chỉ vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, do tiền lãi cao dẫn đến bà không còn khả năng thanh toán, đến ngày 22/7/2016Al hai bên chốt lại nợ thì tổng cộng tiền gốc và lãi là 150.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ph xác nhận chỉ trình bày miệng mà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh rằng chỉ vay của bà X số tiền gốc 30.000.000 đồng, do vay lãi suất cao (30%) dẫn đến bà không còn khả năng thanh toán, đến ngày 22/7/2016 hai bên tổng hợp lại nợ thì tổng cộng tiền gốc, lãi là 150.000.000 đồng và bà Ph chưa nhận được số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, nội dung, yêu cầu của của bà Ph là không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Qua đó, có đầy đủ cơ sở để xác định giữa bà X với bà Ph đã thực hiện giao dịch vay tiền với nhau, cụ thể bà Ph đã vay của bà X số tiền gốc là 150.000.000 đồng.

Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa bà X và bà Ph là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên; giao dịch, thỏa thuận mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, bà Ph đã nhận được tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét số tiền mà bà Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà X . Xét thấy, tại phiên tòa bà X và bà Ph đều xác nhận bà Ph đã trả được cho bà X tổng cộng số tiền là 28.000.000 đồng. Bà X thống nhất, đồng ý xác định số tiền 28.000.000 đồng là số tiền gốc mà bà Ph đã trả và được khấu trừ vào số tiền vay 150.000.000 đồng, bà Ph chỉ phải trả cho bà X số tiền gốc là 122.000.000 đồng, bà X không yêu cầu tính lãi. Đây là sự tự nguyện của bà X và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà Ph phải trả cho bà X số tiền vay vốn gốc 122.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu của bà Ph cho rằng chỉ vay số tiền gốc 30.000.000 đồng, do vay với mức lãi suất cao 30%/tháng, sau khi tổng hợp nợ mới ra số tiền gốc, lãi 150.000.000 đồng và bà đã trả lãi được số tiền 28.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lại tiền lãi. Như đã phân tích nêu trên, nội dung yêu cầu của bà Ph là không có căn cứ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Đối với thỏa thuận thế chấp và cho mướn căn nhà số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang theo Biên nhận và Giấy mướng nhà cùng đề ngày 22/7/2016. Tại phiên tòa bà X và bà Ph đều xác nhận: thực tế nội dung này bà Ph chỉ ghi để làm tin cho số tiền vay, hai bên chỉ làm biên nhận mà không có lập hợp đồng thế chấp tài sản, không có giao nhà, đất, giấy tờ có liên quan hay bất cứ giấy tờ gì khác và không có giao dịch về cho thuê, mướn nhà với nhau. Bà Ph và bà X thống nhất, đồng ý hủy bỏ các thỏa thuận này. Đây là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận và

không xem xét tính hợp pháp của thỏa thuận nêu trên được các bên thể hiện trong Biên nhận và Giấy mướng nhà cùng đề ngày 22/7/2016.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ph phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà X là 122.000.000 đồng, được tính như sau: 122.000.000 đồng x 5% = 6.100.000 đồng. Như vậy, bà Ph phải nộp án phí số tiền là 6.100.000đ (Sáu triệu một trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà X số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0006723, ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim X đối với bị đơn bà Đặng Kiên Ph, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Đặng Kiên Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim X số tiền vay vốn gốc là 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X và bà Ph về việc hủy bỏ các thỏa thuận thế chấp và cho mướn căn nhà số 276, Tổ 1, ấp M K, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang theo Biên nhận và Giấy mướng nhà cùng đề ngày 22/7/2016.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Ph phải nộp án phí số tiền là 6.100.000đ (Sáu triệu một trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà X số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0006723, ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THA DS huyện U Minh Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa